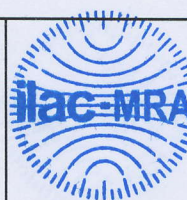




CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP
THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Số: 37/KQ

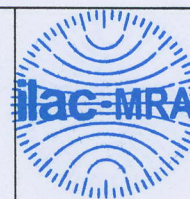
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

I./ THÔNG TIN MẪU

STT	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	164B08/15	Bể chứa NMN Phú Hòa	Nước sau khi xử lý	Trần Quang Vinh	26/10/2015 8g00-8g15	Phạm Thị Luyện
2	165B06/15	Bể chứa NMN Sông Hình		Nguyễn Thị Dung	27/10/2015 9g00-9g15	
3	165B07/15	Bể chứa NMN Sơn Hòa			27/10/2015 10g00-10g15	
4	166B02/15	Bể chứa NMN Tuy An		Nguyễn Tường Linh	27/10/2015 8g00-8g15	Nguyễn Thị Cẩm Tú
5	166B03/15	Bể chứa NMN La Hai			27/10/2015 9g30-9g45	
6	167B04/15	Bể chứa NMN Sông Cầu			27/10/2015 10g00-10g15	
7	167B05/15	Bể chứa NMN Đ.Bắc Sông Cầu			27/10/2015 10g45-11g00	
8	168M ₁ 01/15	Nhà Máy Bia Phú Yên		Võ Bá Duy Huân	26/10/2015 9g30-9g45	
9	169M ₁ 01/15	Điểm Giao Dịch Cấp Nước -An Phú		Trần Quang Vinh	26/10/2015 9g30-9g45	Trần Quang Vinh
10	170M ₁ 01/15	207 Nguyễn Công Trứ		Nguyễn Thị Cẩm Tú	26/10/2015 8g30-8g45	
11	170M ₂ 01/15	Cảng cá Phường 6			26/10/2015 9g00-9g15	
12	170M ₃ 01/15	Ủy ban nhân dân Tỉnh			26/10/2015 9g30-9g45	
13	171B01/15	Bể chứa NMN Tuy Hòa			26/10/2015 8g00-8g15	



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP
THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

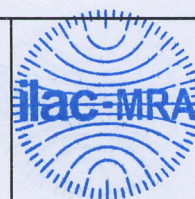
VILAS 746

II./KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				164B08/15	165B06/15	165B07/15	166B02/15
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	7.02	7.25	7.19	7.31
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.72	0.89	0.70	0.66
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.05	0.06	0.05	0.03
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	18.91	15.82	17.72	16.51
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	60.47	16.05	46.77	26.04
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	0.0037	0.0040	0.0035
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	5.60	4.80	5.70	7.50
10	Mùi vị ^(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	Không
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	7.90	3.20	4.70	2.20
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	KPH	KPH	0.01	0.01
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.79	0.64	0.82	0.88
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	0.44	0.53	0.53	0.44
STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				166B03/15	167B04/15	167B05/15	168M ₁ 01/15
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996	KPH	KPH	KPH	
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996	KPH	KPH	KPH	
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	7.10	7.2	6.75	7.03
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.48	0.76	0.51	0.75
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.01	KPH	KPH	0.05
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	13.74	14.10	12.28	17.72
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	22.42	26.04	9.00	49.64
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	0.0039	0.0040	0.0035	0.0039
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	4.60	7.20	5.90	6.40
10	Mùi vị ^(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	Không
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	2.12	2.65	2.31	6.80
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	KPH	0.01	0.02	KPH
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.58	0.70	0.45	0.52
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	0.53	0.44	0.44	KPH



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP
THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

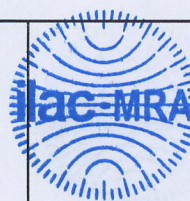
VILAS 746

II./KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				169M ₁ 01/15	170M ₁ 01/15	170M ₂ 01/15	170M ₃ 01/15
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996				
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996				
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6.98	7.10	7.08	6.99
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.80	1.12	1.02	0.93
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.06	0.06	0.05	0.05
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	16.16	18.08	17.72	16.51
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	50.8	49.64	50.8	47.24
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	0.0040	KPH	0.0039
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	6.00	7.30	6.40	5.90
10	Mùi vị ^(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	Không
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	3.90	4.5	4.2	4.50
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	7.70	7.50	6.90	7.00
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	0.01	0.01	KPH	KPH
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.58	0.52	0.45	0.39
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH	0.44	KPH	0.44



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP
THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

VILAS 746

II./KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				171B01/15			
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996	KPH			
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996	KPH			
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6.82			
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0.76			
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	0.03			
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	16.51			
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	46.77			
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	0.0039			
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	5.80			
10	Mùi vị ^(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không			
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	7.10			
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	KPH			
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.39			
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH			
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	0.53			

Ghi chú: - (*) là chỉ tiêu chưa được Vilas công nhận, KPH : Không phát hiện

Tuy Hòa, ngày 02 tháng 11 năm 2015

Lãnh Đạo Công Ty

Phòng Kỹ Thuật

Bộ Phận Hóa nghiệm

Nguyễn Tấn Thuận

KS. Nguyễn Khắc Toàn

Võ Bá Duy Huân